

Bản án số: 159/2018/HSST
Ngày: 31/7/2018

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN CẦU GIẤY - THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đinh Thị Thu Hường

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Bùi Thị Minh Hoa.

Ông Bà Nguyễn Thị Tạo.

- Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Ông Tạ Ngọc Anh – Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Cầu Giấy tham gia phiên tòa:

Bà Vũ Thị Phương Thảo - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 7 năm 2018 tại Tòa án nhân dân quận Cầu Giấy xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 83/TLST-HS ngày 17/4/2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 81/2018/QĐXXST- HS ngày 18/4/2018 và thông báo mở lại phiên tòa số 01/TB-TA ngày 03/7/2018 đối với bị cáo: **ĐỒNG THỊ T**, sinh ngày 20/8/1989, tại Nghệ An; Nơi cư trú: Xóm 8, xã M, huyện C, tỉnh Nghệ An; nghề nghiệp: lao động tự do; trình độ văn hoá: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; Không có bố, con bà Đồng Thị N; tiền án: không; tiền sự: không; Hiện đang áp dụng biện pháp ngăn chặn: cấm đi khỏi nơi cư trú. Bị cáo vắng mặt tại phiên tòa.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

1. Chị Quách Thị B, sinh năm 1984.

HKTT: Tổ 12 phường M, thị xã S, tỉnh Nghệ An (vắng mặt).

2. Anh Nguyễn Gia T

Địa chỉ: Tổ 7, thị trấn C, huyện M, thành phố Hà Nội (vắng mặt).

3. Chị Trịnh Thị Thanh M, sinh năm 1987.

Trú tại: Khu 3, Thị trấn V, huyện L, tỉnh Thanh Hóa (vắng mặt).

4. Chị Đặng Thị Thùy D, sinh năm 1987.

HKTT: Cụm 7, xã P, huyện P, thành phố Hà Nội (vắng mặt).

5. Chị Đặng Thị Thu T, sinh năm 1993.

HKTT: Cụm 4, xã S, huyện T, thành phố Hà Nội (vắng mặt).

6. Chị Nguyễn Thị Thúy H, sinh năm 1989.

HKTT: Cụm 4, thôn K, xã H, huyện Đ, thành phố Hà Nội (vắng mặt).

Nguyên đơn dân sự: Ngân hàng TMCP VN

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Văn V - Trưởng bộ phận miền Bắc - Phòng điều tra và phòng chống gian lận (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Tháng 5/2016, Đồng Thị T lấy tên giả là Đặng Thị Hồng T nộp hồ sơ xin vào làm việc tại Trung tâm thẻ tín dụng và vay tiền tiêu dùng thuộc ngân hàng TMCP B trụ sở tại tòa nhà S ở số 6 D, phường H, quận C, thành phố Hà Nội. T được giao công việc tìm kiếm khách hàng, đối chiếu hồ sơ gốc của khách và ký xác nhận trên các tài liệu photo thuộc bộ hồ sơ của khách hàng trình ngân hàng B duyệt phát hành thẻ tín dụng cho vay theo hình thức tín chấp không tài sản bảo đảm.

Tháng 7/2016, T mượn giấy CMND của chị Quách Thị B mục đích làm hồ sơ giả mạo đề nghị ngân hàng B phát hành thẻ tín dụng để lấy tiền chi tiêu cá nhân. Lợi dụng công việc được giao tại ngân hàng B và “chương trình sản phẩm vay tiêu dùng không có tài sản bảo đảm cho khách hàng cá nhân là giáo viên” của ngân hàng, T đã sử dụng bản photo các quyết định tuyển dụng, bổ nhiệm, nâng bậc lương của anh Nguyễn Gia T tự sửa chữa thành các quyết định mang tên Quách Thị B, tự viết và kí tên Quách Thị B với thông tin không đúng sự thật trên giấy đề nghị phát hành thẻ tín dụng để trình ngân hàng B phát hành thẻ mang tên Quách Thị B. Hồ sơ phát hành thẻ của Quách Thị B được ngân hàng B phê duyệt và phát hành thẻ ngày 11/07/2016, hạn mức là 75 triệu đồng. Ngày 12/7/2016, T được nhận thẻ tín dụng số 4352*****8647 tại trung tâm thẻ thuộc ngân hàng B ở số 6, tòa nhà V, phố T, quận C, thành phố Hà Nội, ngay sau đó T gọi điện cho chị Trịnh Thị Thanh M, để nhờ chị M cho quẹt thẻ tín dụng lấy 30 triệu đồng vì T biết chị M có bạn quản lý máy POS (là loại máy thanh toán mua hàng hóa, dịch vụ bằng hình thức quẹt thẻ tín dụng). Chị M gọi điện cho Đặng Thị Thùy D là người quản lý máy POS do ngân hàng TMCP K cấp đứng tên đơn vị thế chấp nhận thẻ “hộ kinh doanh TH vàng bạc” để nhờ chị D cho khách quẹt thẻ tín dụng, chị D đồng ý. Chị M dặn nên bảo T đến quán cà phê N, (đối diện tòa nhà S) ở phố T, phường H, quận C, thành phố Hà Nội gặp bạn chị D tên là L (chị D khai L là bạn xã hội, chị D không biết lai lịch, địa chỉ của D) đem máy POS đến quẹt thẻ lấy tiền. Tại đây, T đã gọi điện đến tổng tài 1900546789 của ngân hàng B để kích hoạt thẻ tín dụng mang tên Quách Thị B. Sau khi kích hoạt thẻ, T gặp chị L và quẹt thẻ trên máy POS để lấy 30.000.000 đồng. Trước đó, chị M đã đưa L số tiền 29.460.000 đồng để đưa cho T nên sau khi T quẹt thẻ chị L đưa T số tiền 29.460.000 triệu đồng, T đã thỏa thuận với

chị M tiền phí dịch vụ là 540.000 đồng (tương ứng 1,8% trên tổng số 30 triệu đồng). Sau đó, chị D nhờ cháu là Đặng Thị Thu T, là người có tài khoản nhận thanh toán thẻ trên máy POS của cửa hàng vàng bạc TH rút số tiền 30.000.000 đồng trong tài khoản phát sinh từ việc T quẹt thẻ tín dụng ngày 12/7/2016 để trả lại cho chị M. Chị M đưa cho D số tiền 180.000 đồng (tương ứng 1,2% trên tổng số 30.000.000 đồng) để trả phí ngân hàng.

Ngân hàng B kiểm tra trên sao kê tài khoản thẻ hiện thẻ tín dụng đã phát sinh chi tiêu từ ngày 12/7/2016, số tiền chi tiêu là 30.000.000 đồng, dư nợ tính đến ngày 08/9/2016 là 30.000.000 đồng. Ngân hàng nhiều lần liên lạc với Quách Thị B nhưng không liên lạc được. Qua rà soát, so sánh hồ sơ của Nguyễn Gia T và khách hàng Quách Thị B, ngân hàng B phát hiện hồ sơ của khách hàng Quách Thị B có dấu hiệu giả mạo để lừa đảo chiếm đoạt tài sản nên đã gửi đơn tố giác đến Công an quận Cầu Giấy.

Cơ quan Cảnh sát điều tra – Công an quận Cầu Giấy đã quyết định trưng cầu giám định mẫu chữ ký, chữ viết trên giấy đề nghị phát hành tín dụng đứng tên Quách Thị B tại phòng Kỹ thuật hình sự (PC54) – Công an thành phố Hà Nội. Ngày 01/11/2017, Phòng Kỹ thuật hình sự có kết luận giám định xác định chữ ký, chữ viết đứng tên Quách Thị B do Đồng Thị T ký và viết ra.

Xác minh tại ngân hàng TMCP Sđược biết có 01 giao dịch thành công từ thẻ tín dụng 4253*****8647 mang tên Quách Thị B vào ngày 12/07/2016 với số tiền là 30 triệu đồng tại máy POS mang tên Nguyễn Thị Thúy H.

Tại cơ quan điều tra, Đồng Thị T khai nhận hành vi phạm tội như nội dung nêu trên. T khai: T lập hồ sơ giả đề nghị B phát hành thẻ tín dụng cho vay tiền với mục đích lấy tiền trong thẻ chi tiêu cá nhân. T biết ngân hàng đã duyệt giải ngân cho vay số tiền 75.000.000 đồng nhưng T chỉ lấy 30.000.000 đồng để chi tiêu. Đồng Thị T đã tự nguyện khắc phục hậu quả số tiền 30 triệu đồng, trong đó T tự nộp cho ngân hàng B 15.000.000 đồng và nộp cho cơ quan điều tra 15.000.000 đồng. Ngày 06/03/2018, Cơ quan CSĐT công an quận Cầu Giấy đã ra quyết định xử lý vật chứng trả lại số tiền 15.000.000 đồng cho Ngân hàng B, ông Nguyễn Quốc V, là Trưởng bộ phận miền Bắc – Phòng điều tra và phòng chống gian lận đã nhận lại tài sản và không có yêu cầu gì khác. Ngân hàng B đã phong tỏa tài khoản thẻ tín dụng hạn mức còn 45.000.000 đồng mang tên Quách Thị B.

Ngân hàng K đã thu hồi máy POS đứng tên đơn vị thể chấp nhận thẻ “hộ kinh doanh TH vàng bạc” do Đặng Thị Thùy D quản lý.

Đối với chị Quách Thị B và anh Nguyễn Gia T không biết việc T có hành vi lợi dụng thông tin cá nhân của họ để làm thủ tục xin ngân hàng B cấp thẻ tín

dụng, nhận thẻ và kích hoạt để lấy tiền tiêu xài nên cơ quan điều tra không đề cập xử lý.

Đối với chị Trịnh Thị Thanh M, chị Đặng Thị Thùy D, chị Đặng Thị Thu T khi cho Đồng Thị T quẹt thẻ tín dụng mang tên Quách Thị B để lấy tiền của ngân hàng B thì M, D, T không biết T thực hiện hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản của ngân hàng B nên cơ quan điều tra không xem xét xử lý.

Đối với chị Nguyễn Thị Thúy H là người cho chị Đặng Thị Thùy D mượn giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh để làm hồ sơ đăng ký sử dụng máy POS của ngân hàng TMCP S nhưng không biết chị D vi phạm trong việc quản lý, sử dụng máy POS, không biết việc T thực hiện hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản của ngân hàng B nên cơ quan điều tra không xem xét xử lý.

Đối với người tên là L cho T quẹt thẻ tín dụng mang tên Quách Thị B vào ngày 12/07/2016, do T, chị M, chị D không biết nhân thân, lai lịch nên không có cơ sở để xác minh.

Cáo trạng số 85/CT - VKSCG ngày 16/4/2018 của Viện kiểm sát nhân dân quận Cầu Giấy truy tố Đồng Thị T về tội “lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo quy định khoản 1 Điều 174 Bộ luật hình sự.

Tòa án nhân dân quận Cầu Giấy đã tổng đạt quyết định xét xử cho bị cáo nhưng không tổng đạt được.

Theo cung cấp của Công an xã M: Sau khi nhận được các văn bản tố tụng của Tòa án, Công an xã M đã đến tổng đạt nhưng khi đến nhà thì không thấy Đồng Thị T ở nhà, hỏi người nhà và quần chúng nhân dân trong xóm 8, xã M được biết T đã bỏ đi từ lâu và không biết đi đâu.

Ngày 28/6/2018 Công an quận Cầu Giấy đã có quyết định truy nã số 07 đối với T và hiện nay chưa bắt được.

Tại phiên toà: Bị cáo vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Cầu Giấy giữ nguyên Cáo trạng truy tố Đồng Thị T về tội “lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo quy định khoản 1 Điều 174 Bộ luật hình sự. Căn cứ khoản 1 Điều 251; điểm i, b khoản 1 điều 51, điều 38 BLHS xử phạt bị cáo từ 12 tháng đến 18 tháng tù, bị cáo không có thu nhập ổn định nên không áp dụng phạt tiền theo quy định tại khoản 5 điều 174 Bộ luật hình sự. Vật chứng: không; dân sự: không.

Căn cứ vào các chứng cứ tài liệu đã được thẩm tra tại phiên toà, kết quả phân tranh luận. Trên cơ sở xem xét đầy đủ và toàn diện các chứng cứ, ý kiến của kiểm sát viên, bị cáo;

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Lời khai nhận về hành vi phạm tội của Đồng Thị T tại cơ quan điều tra phù hợp với nội dung Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân quận Cầu Giấy đã truy tố, phù hợp với lời khai của người làm chứng, vật chứng đã thu giữ được và các chứng cứ tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án có đủ cơ sở kết luận: Do cần tiền để chi tiêu cá nhân, Đồng Thị T lợi dụng công việc được giao tại Ngân hàng TCMP B đã lập hồ sơ giả đề nghị ngân hàng B cấp thẻ tín dụng mang tên Quách Thị B. Sau khi được ngân hàng B duyệt giải ngân cho vay số tiền 75 triệu đồng, ngày 12/7/2016, Đồng Thị T đã lấy số tiền 30.000.000 đồng trong tài khoản thẻ tín dụng. T đã nộp tiền trả cho ngân hàng. Ngân hàng không yêu cầu bồi thường.

Hành vi nêu trên của bị cáo Đồng Thị T đã đủ yếu tố cấu thành tội “lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo quy định khoản 1 Điều 174 Bộ luật hình sự như cáo trạng truy tố của Viện kiểm sát nhân dân quận Cầu Giấy là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[2] Xét tính chất hành vi phạm tội, nhân thân của bị cáo:

Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác, gây mất lòng tin trong xã hội và gây bất bình trong nhân dân. Tính chất hành vi phạm tội thể hiện: bị cáo là một người đã trưởng thành nhận thức được việc làm của mình nhưng bị cáo vẫn cố tình bằng thủ đoạn gian dối chiếm đoạt 30.000.000 đồng của ngân hàng, nên Hội đồng xét xử phải xử phạt nghiêm minh và áp dụng một mức hình phạt tương xứng với hành vi phạm tội. Sau khi phạm tội, bị cáo được áp dụng biện pháp ngăn chặn: cấm đi khỏi nơi cư trú nhưng bị cáo đã đi khỏi nơi cư trú không báo cho chính quyền địa phương, tòa án đã tổng đạt các văn bản pháp luật cho bị cáo nhưng bị cáo không có mặt tại phiên tòa và sau khi có quyết định truy nã cũng chưa bắt được bị cáo nên hội đồng xét xử xét xử vắng mặt bị cáo, cần phải cách ly bị cáo ra khỏi xã hội mới có đủ tác dụng răn đe và phòng ngừa chung. Khi lượng hình Hội đồng xét xử có xem xét đến hành vi của bị cáo là phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, đã khắc phục hậu quả toàn bộ tài sản chiếm đoạt được cho ngân hàng để giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo. Xét bị cáo không có nghề nghiệp nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền theo quy định tại Khoản 5 Điều 249 Bộ luật hình sự.

[3] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an quận Cầu Giấy, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân quận Cầu Giấy, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ

tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[4] Về dân sự: không.

[5] Về vật chứng: không.

[6] Về án phí: Bị cáo phải nộp án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

1. Tuyên bố bị cáo Đồng Thị T phạm tội "lừa đảo chiếm đoạt tài sản"

Căn cứ vào khoản 1 Điều 174, Điểm i, b khoản 1 Điều 51, Điều 38 Bộ luật hình sự. Điều 136; Điều 290; Điều 331; Điều 333 Bộ luật tố tụng hình sự; điều 9 thông tư liên tịch số 13/2012/TTLT-BCA-VKSNDTC-TANDTC; Khoản 1 điều 23 nghị quyết 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí.

Xử phạt bị cáo Đồng Thị T 18 (mười tám) tháng tù, thời hạn tính từ ngày bắt được truy nã để thi hành án.

2. Về trách nhiệm dân sự: không giải quyết.

3. Về vật chứng: không

4. Về án phí: Bị cáo phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày niêm yết công khai bản án. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan và nguyên đơn dân sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án.

Nơi nhận:

- Bị cáo, NCQLVNVLQ
- VKSND quận Cầu Giấy + HN
- TAND Tp Hà Nội.
- Công an quận Cầu Giấy + HN.
- Chi cục Thi hành án dân sự quận Cầu Giấy.
- Lưu hồ sơ, văn phòng TAND quận Cầu Giấy.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TÒA**

Đinh Thị Thu Hương